

ỦY BAN NHÂN DÂN

XÃ BÌNH MINH

Số: 62/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Công trình: Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 69/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30/09/2022 của HĐND xã Bình Minh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu;

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND xã Bình Minh về việc phê duyệt dự án Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu;

Căn cứ Văn bản số 34/SXD-HTKT&NO ngày 28/02/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn xây dựng đối

với thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Người phê duyệt: UBND xã Bình Minh.
2. Tên công trình: Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu.
3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.
4. Tên dự án: Khu dân cư mới xã Bình Minh, huyện Khoái Châu.
5. Địa điểm xây dựng: Xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
6. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Famiplus.
7. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần Kiến trúc B.I.M Việt

Nam.

8. Quy mô, giải pháp kỹ thuật:

- 8.1. Quy mô đầu tư:

* Vị trí khu đất thực hiện dự án tại xã Bình Minh, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, gồm 03 vị trí cụ thể như sau:

- Vị trí 01: Phía Bắc giáp đường giao thông, đất nuôi trồng thủy sản; phía Nam giáp đường giao thông và đất nông nghiệp; phía Đông đường giao thông và đất nông nghiệp; phía Tây giáp đường giao thông.

- Vị trí 02: Phía Bắc giáp khu dân cư; phía Nam giáp đường giao thông; phía Đông giáp đất nông nghiệp; phía Tây giáp khu dân cư theo quy hoạch.

- Vị trí 03: Phía Bắc giáp khu dân cư; phía Nam giáp khu dân cư; phía Đông giáp đất nông nghiệp; phía Tây giáp đất thủy lợi và đường giao thông.

* Tổng diện tích khu đất: 41.277m². bao gồm:

- Vị trí 01: Tổng diện tích đất quy hoạch: 40.507 m², trong đó:

+ Diện tích đất ở: 17.028,64 m²;

+ Diện tích đất cây xanh: 2.193,55 m²;

+ Diện tích đất dự phòng phát triển: 2.285,7 m²;

+ Diện tích đất đường giao thông - hạ tầng: 16.074,51 m².

- Vị trí 02: Tổng diện tích đất quy hoạch: 595 m², trong đó:

+ Diện tích đất ở: 391,94 m²;

- + Diện tích đất đường giao thông – hạ tầng: 203,06 m².
- Vị trí 03: Tổng diện tích đất quy hoạch: 175 m², trong đó:
- + Diện tích đất ở: 154,7 m²;
- + Diện tích đất đường giao thông – hạ tầng: 20,3 m².

8.2. Giải pháp thiết kế:

8.2.1. San nền, tường chắn

- Vị trí số 1:

San nền trong dự án bằng cát đen san nền, cao độ san nền cao nhất +7.05, thấp nhất +6.80, chiều dày lớp san nền trung bình 1,5m, đầm chặt đảm bảo độ chặt K=0,90. Bờ bao bằng đất (đắp phần chênh cao), chiều rộng bờ bao 0,5m, đất đầm chặt K90, mái đắp 1:1.

- Vị trí số 2:

San nền trong dự án bằng cát đen san nền, cao độ san nền cao nhất +6.80, thấp nhất +6.70, chiều dày lớp san nền trung bình 0,93m, đầm chặt đảm bảo độ chặt K=0,90.

- Vị trí số 3: Không san lấp.

8.2.2. Hệ thống giao thông

- Vị trí số 1: Gồm 5 tuyến đường, tổng chiều dài L=1.163,65m.

+ Tuyến số 1 (từ km0+00-km0+80): B_n = 11,75m-14,9m, dốc ngang mặt đường hai mái i=2%; B_m = 7,5m; vỉa hè 1 bên B_{vh} = 4,0m; B_{lè} = 0,25m-3,4m;

+ Tuyến số 1 (từ km0+80-km0+238,7), tuyến số 2 (từ km0+00-km0+240,55), tuyến số 4: B_n = 15,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i=2%; B_m = 7,5m; vỉa hè 2 bên B_{vh} = 2x4,0m;

+ Tuyến số 2 (từ km0+240,55-km0+351,14): B_n = 9,5m-12,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i=2%; B_m = 7,5m; vỉa hè 1 bên B_{vh} = 4,0m; B_{lè} = 1,0m÷2x1,0m.

+ Tuyến số 3: B_n = 12,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i=2%; B_m = 7,5m; vỉa hè 1 bên B_{vh} = 4,0m; B_{lè} = 1,0m;

+ Tuyến số 4: B_n = 14,5÷15,5m, dốc ngang mặt đường hai mái i=2%; B_m = 7,5m; vỉa hè 1 bên (phải tuyến) B_{vh} = 4,0m; vỉa hè 1 bên (trái tuyến) B_{vh} = 3,0÷4,0m;

+ Tuyến số 5 (vỉa hè hành lang đường BTXM hiện trạng): B_{vh} = 3,5m-8,88m.

- Vị trí số 2: Tuyến số 6, chiều dài L=69,71m, chiều rộng mặt đường từ 3,0m-5,5m.

- Vị trí số 3: Mở rộng mặt đường, diện tích khoảng 21m².
- Trắc dọc đường: Độ dốc dọc giao thông nhỏ và đầu nổi êm thuận với đường ngoại khu.
- Kết cấu áo đường (tuyến số 1,2,3,4) từ trên xuống dưới như sau:
 - + Bê tông nhựa hạt trung, dày 7cm (BTNC 12.5);
 - + Tưới nhựa nhũ tương nhựa đường a xít thấm bảm 1,0 kg/m²;
 - + Móng cấp phối đá dăm lớp trên (loại I), dày 15cm;
 - + Móng cấp phối đá dăm lớp dưới (loại II), dày 25cm;
 - + Lớp cát đen đầm chặt K=0,98 dày 50cm.
- Kết cấu áo đường (tuyến số 6, vị trí số 3) từ trên xuống dưới như sau:
 - + Bê tông xi măng M250 đá 2x4 dày 20cm;
 - + Lớp cát vàng dày 3cm;
 - + Móng cấp phối đá dăm loại II, dày 18cm;
 - + Lớp cát đen đầm chặt K=0,98 dày 50cm.
- Kết cấu vỉa hè từ trên xuống dưới như sau:
 - + Lát gạch block tự chèn dày 5,30cm;
 - + Lớp đệm lót cát vàng dày 10cm.
- Tường chắn (phải tuyến số 6, khoảng 51,75m): Kết cấu tường xây gạch không nung VXM M75 cao trung bình 1,47m, giắt cấp từ 440mm (cao 0,49m), 330mm (cao 0,49m), 220mm (cao 0,49m); đệm lót móng BTXM M100 đá 2x4 dày 10cm.
- Kết cấu khác: Rãnh thu nước tam giác bằng bê tông mác 250 đúc sẵn lắp đặt hai bên đường B_r=25cm; block vỉa hè (dạng vát) bằng BTXM đúc sẵn mác 250 kích thước 40x19x99cm, bê tông lót móng mác 100 dày 10cm. Bó chặn hè xây gạch không nung 110, VXM M75 cao 28cm, bê tông lót móng mác 100 dày 10cm.
- An toàn giao thông: Bố trí biển báo, sơn vạch kẻ đường theo quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41/2024; màng phản quang dành cho báo hiệu đường bộ theo TCVN7887:2018; gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế theo TCCS 34: 2020/TCĐBVN.

8.2.3. Hệ thống thoát nước thải

- Hệ thống đường ống nước thải tại vị trí số 1 đặt dưới vỉa hè, sử dụng rãnh xây B300 và ống nhựa D315 thu gom toàn bộ nước thải trong dự án và đầu nối vào công trình xử lý nước thải tại khu đất phía Đông Bắc (được đầu tư xây dựng khi đưa dự án

vào sử dụng đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải của người dân). Tại các vị trí số 2 và số 3 thoát nước theo hiện trạng.

- Cấu tạo rãnh B300, hố ga thăm:

+ Rãnh B300 kết cấu tường xây gạch không nung 220 VXMCV mác 75, trát VXM mác 75 dày 1,5cm; đáy móng BTXM mác 150 dày 15cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm; nắp đáy tấm đan BTCT mác 250 dày 12cm;

+ Hố ga thăm kích thước $axb=1,44m \times 1,44m$; kết cấu tường xây gạch không nung 220 VXMCV mác 75, trát VXM mác 75 dày 1,5cm; đáy móng BTCT mác 250 dày 15cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm; nắp đáy tấm đan BTCT mác 250 dày 15cm kết hợp nắp ga composite.

8.2.4. Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa tại vị trí số 1 sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn D600, D1000 thu gom nước mặt của dự án sau đó thoát ra cửa xả cạnh sông Mười phía Tây dự án; cống tròn đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn. Tại các vị trí số 2 và số 3 thoát nước theo hiện trạng.

- Nước mưa từ đường, vỉa hè được thu trực tiếp hai bên đường bằng hố thu và hố ga thu thăm kết hợp; nước từ hố thu nước chảy vào hố ga thăm qua ống nhựa D315 và cống BTCT D300.

- Cấu tạo hố thu, hố ga thăm:

+ Hố thu kích thước $axb=0,69m \times 1,12m$; kết cấu tường và đáy móng BTCT mác 250 dày 15cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm; nắp đáy tấm chắn rác composite.

+ Hố ga thăm: kích thước $axb=1,44m \times 1,44m$ (D600); $2,16m \times 1,86m$ (D1000); kết cấu tường xây gạch không nung (220-330) VXMCV mác 75, trát VXM mác 75 dày 1,5cm; đáy móng BTCT mác 250 dày (15-20)cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm; nắp đáy tấm đan BTCT mác 250 dày (12-20)cm kết hợp nắp ga composite.

- Hoàn trả kênh CT6 trạm bơm Văn Giang đoạn từ Km0+00 đến Km0+380 (theo lý trình thủy lợi) tại vị trí số 1 bằng mương xây B1000; kết cấu tường xây gạch không nung (220-330) VXMCV mác 75, trát VXM mác 75 dày 1,5cm; đáy móng BTXM mác 150 dày 15cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; bố trí thanh chống BTCT mác 200 kích thước $b \times h=0,15 \times 0,15m$ đảm bảo khoảng cách 3m/ 1 thanh.

- Cửa xả kết cấu tường đầu và tường cánh, sân cống BTXM mác 150, đệm lót móng đá dăm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

- Đặt chờ cống tròn D300 đoạn qua đường để phục vụ đấu nối cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc ...

8.2.5. Hạ ngầm tuyến đường dây trung thế 35kV

- Hạ ngầm tuyến đường dây trung thế 35kV nhánh đi trạm biến áp Đa Hoà 6 lộ 371-E28.8 đoạn từ cột số 02 đến trạm biến áp Đa Hoà 6 dài khoảng 277,4m chạy qua dự án. Kết hợp tuyến đường dây hạ ngầm này cấp điện tới trạm biến áp xây dựng mới trong dự án. Giải pháp như sau:

+ Tháo dỡ các cột điện từ cột số 02 đến cột số 06, trồng mới cột số 02 ngay sát vị trí cột số 02 cũ để tạo điểm đầu hạ ngầm tuyến đường dây trung thế ở trên, sử dụng cột đôi PC.I-16-190-13.

+ Đoạn đường dây trung thế hạ ngầm sử dụng cáp 40,5kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-3x95mm² dài khoảng 365,8m luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D160/125 đoạn dưới vỉa hè, đoạn qua đường luồn trong ống thép D200 chôn ngầm trong hào đất; phía trên đặt băng báo hiệu cáp ngầm và tấm đan bê tông bảo vệ cáp ngầm; trên mặt đặt mốc báo hiệu cáp ngầm khoảng cách 10m/mốc.

8.2.6. Hệ thống cấp điện

a) Điện trung thế

Lắp đặt mới 01 trạm biến áp kiểu Compact hợp bộ 35/22/0,4kV-560kVA cấp điện cho toàn bộ dự án; vị trí đặt trạm tại góc khu đất cây xanh CX; nguồn điện cấp tới trạm biến áp lấy từ tuyến đường dây trung thế 35kV nhánh đi trạm biến áp Đa Hoà 6 lộ 371-E28.8 hạ ngầm ở trên.

b) Điện hạ thế

- Cấp ngầm từ tủ điện tổng hạ thế đặt trong thân trụ trạm biến áp đến các tủ phân phối sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện 3x70+1x50 mm², 3x120+1x95 mm² và 3x150+1x120 mm². Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đường kính tương ứng với tiết diện cáp đảm bảo $D_{\text{ống}} \geq 1,5 D_{\text{cáp}}$, đoạn qua đường luồn trong ống thép D150 chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch chỉ đặc bảo vệ và lớp băng báo hiệu cáp ngầm; trên mặt đặt mốc báo hiệu cáp ngầm khoảng cách 10m/mốc.

- Tủ phân phối kích thước: $axb \times h = 400 \times 600 \times 1.100\text{mm}$ làm bằng Composite ép nóng chống cháy, các thanh giá đỡ bằng tôn dày 1.5mm dập định hình được gắn liền với vỏ tủ. Tủ mở được về 2 phía, lắp đặt tối đa được 10 công tơ 1 pha và 1 công tơ 3 pha hoặc 12 công tơ 1 pha, phía sau mỗi công tơ dự kiến lắp các áp tô mát hộ dân loại một pha 250V-63A và trước mỗi nhánh lắp áp tô mát 3 pha để bảo vệ an toàn điện áp.

- Bộ đỡ tủ phân phối kích thước: $axb \times h = 400 \times 600 \times 1.200\text{mm}$ đổ bằng bê tông đá 1x2 mác 200 có chôn sẵn bộ khung móng bu lông M16x300 chờ bắt tủ. Bộ đỡ tủ phân phối đặt trên vỉa hè; mặt bộ tủ cao hơn vỉa hè 500mm.

- Tại mỗi vị trí tủ lắp đặt một bộ tiếp địa RLL và tiếp địa an toàn, tiếp địa sử dụng cọc chữ L63x63x6 dài 2,5m đảm bảo $R_{td} \leq 4\Omega$ trong mọi thời tiết.

c) Điện chiếu sáng

- Chiếu sáng đường phố bố trí ở một bên đường. Sử dụng cột thép mạ kẽm bát giác cần đơn rời cần cao 9,0m (cả cần, cần cao 2,0m vươn 1,5m), lắp đèn Led 230V/120W, khoảng cách giữa các cột đèn là 30m/1 cột. Móng cột kích thước 0,8x0,8x1,0m đổ bê tông mác 200 có chôn sẵn khung móng M24x300x300x675 chờ bắt cột đèn.

- Cáp từ tủ điện hạ thế tổng đặt trong thân trạm biến áp xây dựng mới ở trên tới tủ điều khiển chiếu sáng sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x25mm²; từ tủ chiếu sáng tới các bảng điện cột đèn dùng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x10mm². Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50, đoạn qua đường luồn trong ống thép D80 chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch đặc bảo vệ và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm; từ bảng điện cột đèn lên đèn dùng dây Cu/PVC/PVC-3x1,5mm².

- Sử dụng 01 tủ điều khiển chiếu sáng kích thước $axb \times h = 350 \times 600 \times 1.000\text{mm}$ đặt gần trạm biến áp xây dựng mới ở trên. Tủ dùng Role thời gian, có chế độ điều khiển đóng ngắt tự động và bán tự động, tiết kiệm năng lượng; thời gian đóng cắt có thể điều chỉnh theo yêu cầu. Móng tủ kích thước $axb \times h = 400 \times 650 \times 1.400\text{mm}$ đổ bê tông đá 1x2 mác 200 chôn sẵn bộ khung móng thép M16x650 chờ bắt tủ.

- Tại mỗi vị trí tủ, cột đèn chiếu sáng lắp đặt một bộ tiếp địa an toàn R1C đảm bảo điện trở $\leq 10\Omega$ và lắp đặt 01 bộ tiếp địa lặp lại R3-C (trung tính) với khoảng cách khoảng 200m, các cột được nối tiếp liên hoàn bằng dây đồng trần M10 đảm bảo đảm bảo điện trở $\leq 4\Omega$ trong mọi thời tiết.

8.2.7. Cây xanh, cảnh quan

a) Cây xanh trên vỉa hè: Dọc trên vỉa hè khoảng cách 10,0m hoặc 12,0m ranh giới giữa các hộ dân trồng một cây xanh đô thị (cây Bàng Đài Loan, đường kính thân $\geq 12\text{cm}$, cao $\geq 3,0\text{m}$); hố trồng cây kích thước 1,0x1,0m, bó xung quanh hố bằng viên BTXM mác 250 kích thước $a \times b \times h = 1000 \times 100 \times 150\text{mm}$, mặt hố trồng cây cao bằng vỉa hè.

b) Cảnh quan:

- Khu đất cây xanh CX ($S = 2.193,55\text{m}^2$) bên trong bố trí các tuyến đường dạo, sân chơi, trồng cây xanh thân gỗ với mật độ thích hợp, xen kẽ trồng cây bụi, thảm cỏ tạo cảnh quan, bóng mát và điểm nhấn cho dự án. Kết cấu đường dạo từ trên xuống dưới như sau: Đá băm mặt trừ viền 300x300x30; lớp vữa XM mác 75 dày 3,0cm; lớp BTXM mác 150 đá 2x4 dày 15cm; lớp linon chống thấm nước XM; lớp cát san nền. Bó xung quanh đường dạo (bồn hoa) bằng viên Block đá xanh màu xanh đen kích thước $a \times b \times h = 1000 \times 200 \times 150\text{mm}$, mặt cao hơn đường dạo 10cm.

- Khu đất bãi xe BX ($S = 1.132,93\text{m}^2$) một phần làm bãi đỗ xe, xung quanh trồng cây Phượng Vỹ, thảm cỏ tạo cảnh quan, bóng mát. Kết cấu bãi đỗ xe từ trên xuống dưới như sau: Mặt bãi đỗ xe thảm BTNC 12,5 dày 7cm, tưới nhựa dính bám TC 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 25cm; cát nền đầm chặt K98 dày 50cm.

9. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Dưới 40 năm.

10. Giá trị dự toán xây dựng: **59.783.151.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ, bảy trăm tám mươi ba triệu, một trăm năm mươi một nghìn đồng./.).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	41.722.110.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	1.938.152.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	911.706.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.661.332.000	đồng
- Chi phí khác:	3.337.495.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	9.212.356.000	đồng

(Chi tiết trong phụ lục đính kèm)

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Các Quy chuẩn Việt Nam:

- + QCVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- + QCVN 07: 2023/BXD - Về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- + QCVN 08: 2009/BXD- Về công trình ngầm đô thị.
- + QCVN 41: 2024/BGTVT- Quy chuẩn báo hiệu đường bộ.
- + QCVN QTĐ-5: 2008; QCVN QTĐ-6: 2008; QCVN QTĐ-7: 2008; QCVN QTĐ-8 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện.
- Các tiêu chuẩn Việt Nam:
 - + TCVN 2737: 2023 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - + TCVN 5573: 2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - + TCVN 5574: 2018 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - + TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - + TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.
 - + TCVN 8818:2011 Nhựa đường lỏng.
 - + TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.
 - + TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.
 - + TCVN 8859: 2023: Tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường.
 - + TCCS 27:2019/TCĐBVN: Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám – Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu.
 - + TCVN 13567 - (1-3):2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu.
 - + TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.
 - + TCCS 34:2020/TCĐBVN: Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế.
 - + TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
 - + TCVN 13608:2023 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật.
 - + TCVN 9207: 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế đặt đường dây điện công trình công cộng.
 - + TCVN 4447:2012 - Công tác đất thi công và nghiệm thu.
 - + TCVN 9257:2012 - Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị -

Nguyễn Đức Hùng